

Remild CTT30

Remild CTT30

Remild CTT30 (INCI name: Sodium Taurine Cocoyl Methyl Taurate) is a highly safe anionic surfactant which incorporates sodium taurate as a counterion in the structure of methyl cocoyl taurine.

It is a broad-based amino acid surfactant.

It has good foaming ability in hard water.

It has excellent foaming ability in the presence of grease, and provides a thick and rich foam for the skin.

It also gives the skin and hair a more moisturizing feel.

Remild CTT30 (tên INCI: Sodium Taurine Cocoyl Methyl Taurate) là chất hoạt động bề mặt anion an toàn cao với cấu trúc gồm ion Sodium taurate liên kết với gốc methyl cocoyl taurine.

Là một chất hoạt động bề mặt gốc amino acid.

Có khả năng tạo bọt tốt trong nước cứng.

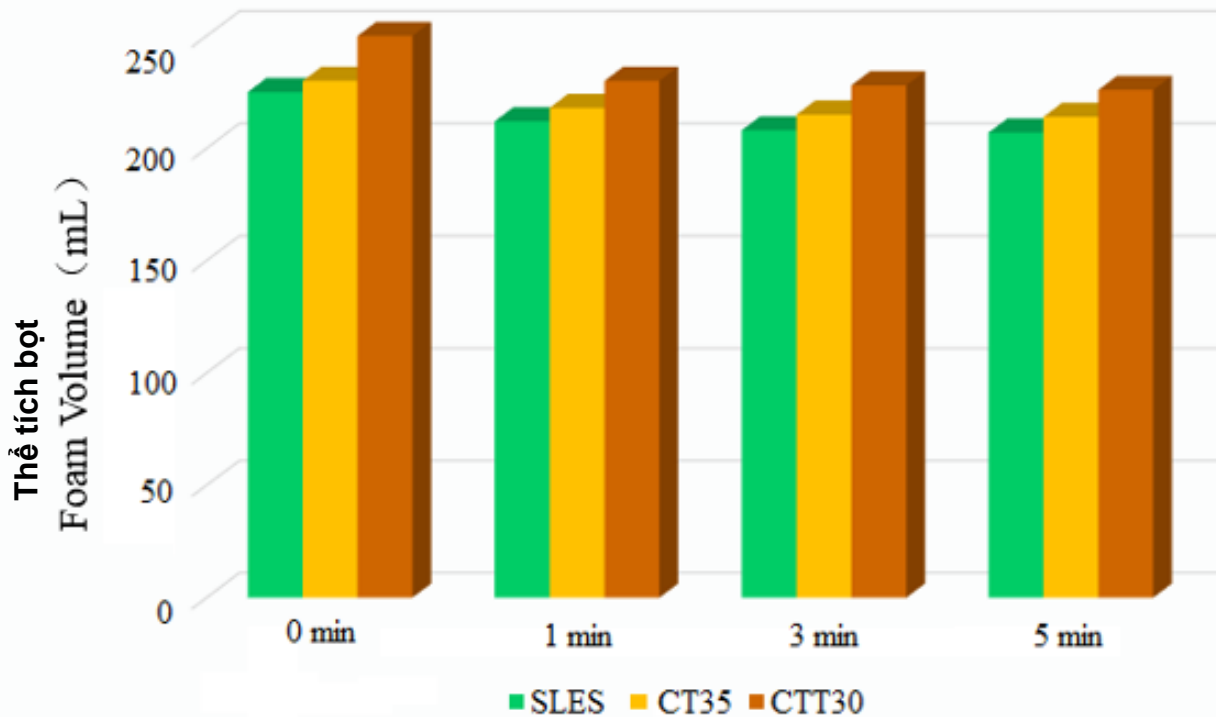
Có khả năng tạo bọt tuyệt vời khi có dầu mỡ, và mang lại lớp bọt dày và mịn cho da.

Có khả năng mang lại cho da và tóc cảm giác ẩm hơn.

Specification

Item (Chỉ tiêu)	Specification (Thông số kỹ thuật)
Appearance (25°C) <i>Ngoại quan (25°C)</i>	Colorless to yellowish transparent liquid <i>Dung dịch trong suốt không màu hoặc vàng nhạt</i>
Color (Hazen, 10% Isopropanol) max <i>Màu tối đa (Hazen, 10% Isopropanol)</i>	100
pH value (25°C, 10% aqueous solution) <i>pH (25°C, dung dịch 10%)</i>	6.5-7.8
Solid content (%) <i>Hàm lượng (%)</i>	29.0-32.0
Sodium chloride (%) max <i>% Sodium chloride tối đa</i>	4.0

Foaming Ability (Khả năng tạo bọt)



pH=5, Active 0.25%, 40°C

SLES: Sodium Laureth Sulfate

Conclusion: Compared with SLES and CT35, CTT30 has better foaming ability

Kết luận: So với SLES và CT35, khả năng tạo bọt của CTT30 tốt hơn

Foam Quality (Chất lượng bọt)



Remild CT35



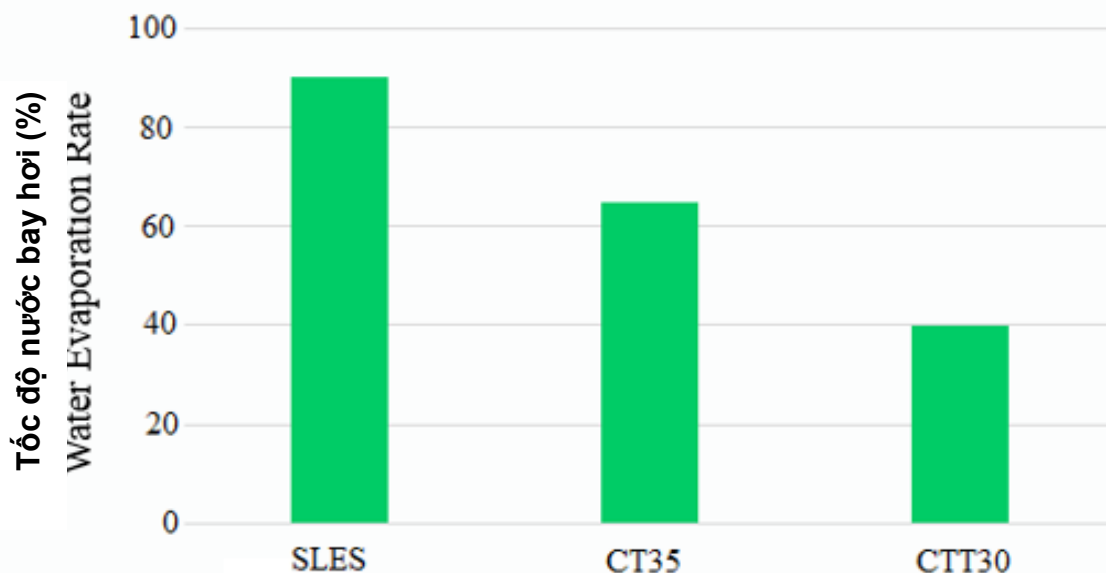
Remild CTT30

1% surfactant concentration, stir for 1min
1% chất hoạt động bề mặt, khuấy trong 1 phút

Conclusion: Compared with CT35, the foam of CTT30 is finer.

Kết luận: So với CT35, bọt của CTT30 mịn hơn

Moisture Retention of Hair (Khả năng giữ ẩm của tóc)



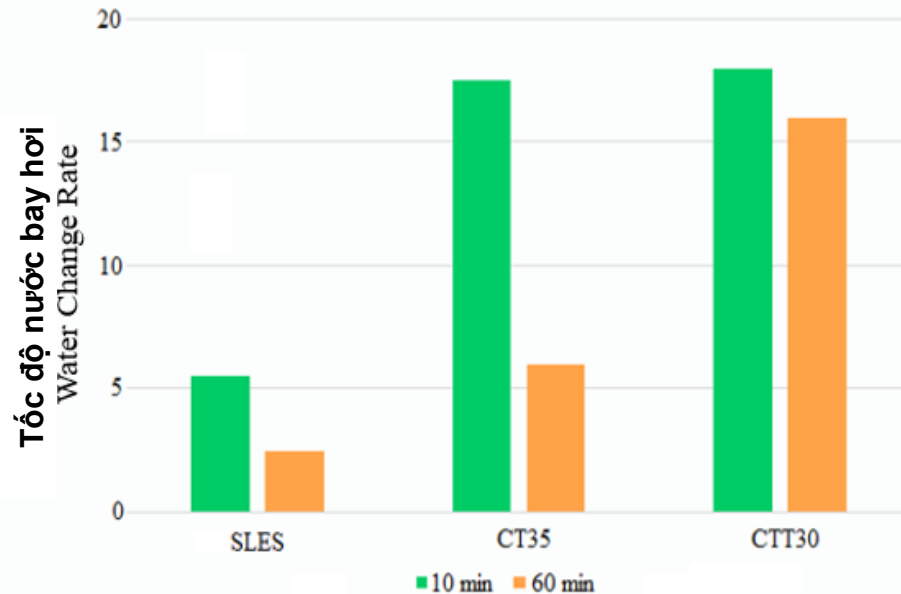
SLES: Sodium Laureth Sulfate

- Hair was treated with 1% surfactant
- Comparison of moisture content between hair dried at 60 °C and 105 °C
- Dùng 1% chất hoạt động bề mặt lên tóc
- So sánh độ ẩm giữa tóc khi sấy ở 60 °C và 105 °C

Conclusion: The water evaporation rate of hair treated with CTT30 is the lowest, so CTT30 can inhibit the water evaporation of hair. It can keep the hair moist after cleaning.

Kết luận: Tốc độ nước bay hơi trên tóc khi dùng CTT30 là thấp nhất, qua đó có thể thấy CTT30 có khả năng hạn chế sự bay hơi nước trên tóc. Qua đó có thể giữ ẩm cho tóc sau khi rửa.

Moisture Retention of Skin (Khả năng giữ ẩm của da)



SLES: Sodium Laureth Sulfate

- After the skin was washed with water and dried naturally, the skin moisture (initial value) was measured. The skin was smeared with 1% surfactant solution, cleaned with water 30 minutes later, and then dried in 20°C, 40% RH. The moisture content was measured after 10 minutes and 60 minutes.
- Sau khi da được rửa sạch bằng nước và để khô tự nhiên, người ta đo độ ẩm của da (giá trị ban đầu). Da được bôi bằng dung dịch chất hoạt động bề mặt 1%, làm sạch bằng nước sau 30 phút và sau đó sấy khô ở 20°C, độ ẩm 40%. Độ ẩm được đo sau 10 phút và 60 phút.

Conclusion: After cleaning with CTT30, the moisturizing feeling of skin is stronger than that of CT35 and SLES.

Kết luận: Sau khi rửa bằng CTT30, cảm giác da ẩm hơn khi dùng với CT35 và SLES.

*Products with **Sodium Taurine**
Cocoyl MethylTaurate on the
market*

*(Các sản phẩm dùng **Sodium Taurine**
Cocoyl MethylTaurate trên thị trường)*

HADA LABO MOISTURIZING CLEANSING FOAM

(Sữa rửa mặt bọt dưỡng ẩm HADA LABO)



Ingredient:

Water, Disodium Cocoyl Glutamate, Butylene Glycol, Cocamidopropyl Betaine, PEG-8, **Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate**, Cocamide DEA, PEG-80 Sorbitan Laurate, Sorbitol, Glycerin, Citric Acid, Sodium Benzoate, Polyquaternium-7, Methylparaben, BHT, Disodium Edta, Hydroxypropyltrimonium Hyaluronate, Sodium Acetylated Hyaluronate, Petrolatum

AHC PREMIUM HYDRA B5 SOOTHING FOAM **(Sữa rửa mặt dịu nhẹ AHC PREMIUM HYDRA B5)**

Ingredient:

Water, Sodium Hyaluronate, Glycerin, Sodium Cocoyl Glutamate, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Myristic Acid, PEG-200, Stearic Acid, Potassium Hydroxide, Sorbitol, **Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate**, Lauric Acid, Palmitic Acid, Glyceryl Stearate, Beeswax, Potassium Sorbate, Fragrance, Disodium EDTA, Rosmarinus Officinalis Extract, Chamomilla Recutita (Matricaria) Flower Extract, Camellia Sinensis Extract, Glycyrrhiza Glabra Extract, Polygonum Cuspidatum Extract, Centella Asiatica Extract



SUPER MILD SHAMPOO

(Dầu gội siêu dịu nhẹ)



Ingredient:

Water, **Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate** , Sodium Laureth Sulfate , Cocamidopropyl Betaine , Glycol Distearate , Propylene Glycol Laurate , Dipropylene Glycol , Sorbitol , Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride , Sodium Benzoate , Fragrance , Citric Acid , Phenoxyethanol , Lauric Acid , Polyquaternium-10 , Disodium EDTA , Butylene Glycol , Chamomilla Recutita (Matricaria) Flower Extract , Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Extract

SEE YOUNG AMINO ACID SHAMPOO ***(Dầu gội See Young Amino Acid)***



Ingredient:

Water, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Cocoyl Isethionate, Butylene Glycol Laurate, Glycol Distearate, **Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate**, Decyl Glucoside, Aspartic Acid, Proline, Serine, Arginine, Glycine, Zingiber Officinale (Ginger) Root Extract, Polygonum Multiflorum Extract, Sodium Dilauramidoglutamide Lysine, Piroctone Olamine, Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride, Sorbitan Caprylate, Hydrolyzed Corn Starch, Citric Acid, Sodium Citrate, Phenoxyethanol, Sodium Benzoate, Disodium Edta, Fragrance

TSUBAKI SHAMPOO (Dầu gội Tsubaki)

Ingredient:

Water , Sodium Laureth Sulfate , Cocamidopropyl Betaine , Sodium Chloride , **Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate** , Glycol Distearate , Cocamide Mea , Alcohol , Fragrance , Phenoxyethanol , Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride , Sodium Benzoate , Polyquaternium-7 , Citric Acid , Polyquaternium-10 , Disodium EDTA , PPG-70 Polyglyceryl-10 Ether , BHT, Camellia Japonica Seed Oil , Tocopherol , Hydrolyzed Conchiolin Protein , Butylene Glycol , CI 19140, CI 15985



Reference formula
(Công thức tham khảo)



Silicone-free Shampoo (Dầu gội không Silicone)

	Ingredient	Percentage	Trade Name
A	Water	To 100	
	Disodium EDTA	0.1	
	Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride	0.3	
	PEG-120 Methyl Glucose Dioleate	0.1	Rethick DOE120
	Sodium Laureth Sulfate	10.0	
B	Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	12.0	Remild CTT30
	Cocamide Methyl MEA	2.0	Refoam CMMEA
	Sodium Lauroamphoacetate	4.0	
	Panthenol	0.2	
	Cocamidopropyl Betaine	6.0	
	PEG-7 Glyceryl Cocoate	1.0	Reachin HE
	Hydroxypropyltrimonium Hydrolyzed Wheat Protein	0.5	Reactive QWP
	Polyquaternium-7	1.0	Resoft 7
C	Citric acid (30%)	1.0	
	Sodium Chloride	0.8	
	Phenoxyethanol	0.2	
	Methylisothiazolinone	0.1	
	Fragrance	0.3	

Moisturizing Bubble Bath Gel (Gel tắm dưỡng ẩm)

	Ingredient	Percentage	Trade Name
A	Water	To 100	
	Sodium Laureth Sulfate	5.0	
	PEG-120 Methyl Glucose Dioleate	0.5	Rethick DOE120
B	Disodium EDTA	0.1	
	Cocamidopropyl Betaine	5.0	
	Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	20.0	Remild CTT30
	Glycerin	5.0	
	Decyl glucoside	2.0	
	Cocamide Methyl MEA	2.0	
	Mineral Oil	15.0	
	Ethylhexyl Palmitate	5.0	
	Sodium Isostearoyl Lactylate	0.5	Reachin ISL
	Polysorbate 20	0.5	
C	Phenoxyethano & Ethylhexylglycerin	0.4	Reanti PEG9010
	Sodium Benzoate	0.4	
	Pigment	a.q	
	Fragrance	a.q	

Moisturizing Shampoo (Dầu gội dưỡng ẩm)

	Ingredient	Percentage	Trade name
A	Water	To 100	
	Sodium Laureth Sulfate	10.0	
	Guar Hydroxypropyltrimonium Chloride	0.3	
	Polyquaternium-10	0.1	
B	PPG-3 Caprylyl Ether	0.5	
	Disodium EDTA	0.1	
	Cocamidopropyl Betaine	5.0	
	Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	30.0	Remild CTT30
	Glycol Distearate & Sodium Laureth Sulfate & Cocamide MEA	2.0	
	Propylene Glycol Laurate	2.0	
	Panthenol	0.2	
	PEG-7 Glyceryl Cocoate	1.0	Reachin HE
Hydroxypropyltrimonium Hydrolyzed Wheat Protein	1.5	Reactive QWP	
C	Phenoxyethanol	0.2	
	Sodium Benzoate	0.4	
	30% Citric Acid	0.9	
	Sodium Chloride	0.27	

Amino Acid Facial Cleanser

(Sữa rửa mặt Amino Acid)

	Ingredient	Percentage	Trade name
A	Water	To 100	
	Sodium Stearoyl Glutamate	20.0	Remild SG
	Glycerin	20.0	
	Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	15.0	Remild CTT30
	Glycol Distearate	2.0	
	Glyceryl Stearate	2.0	
B	Cocamidopropyl Betaine	5.0	
C	Sodium Chloride	2.5	
	Phenoxyethanol & Ethylhexylglycerin	0.4	

Carefree Beauty Body Wash

(Sữa tắm Carefree Beauty)

	Ingredient	Percentage	Trade name
A	Water	To 100	
	Disodium EDTA	0.1	
	Lauric Acid	8.0	
	Myristic Acid	4.0	
	Palmitic Acid	3.0	
	Stearic Acid	1.0	
	Oleic Acid	1.0	
	Potassium Hydroxide	4.6	
	Hydroxypropyl Methylcellulose	1.2	
	Glycol Distearate	1.0	
B	Sodium Lauroamphoacetate	10.0	
	Cocamide Methyl MEA	1.5	Refoam CMMEA
	Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	6.0	Remild CTT30
C	Polyquaternium-39	1.0	Resoft 39
	Polyquaternium-7	1.0	Resoft 7
	Propylene Glycol	2.0	
	Tocopherol	0.1	
	Sodium Benzoate	0.4	
	Fragrance	0.2	



Mild Amino Acid Flower Hand Wash

(Nước rửa tay dịu nhẹ Amino Acid Flower)

Ingredient	Percentage	Trade name
Water	To 100	
Disodium EDTA	0.1	
Sodium Taurine Cocoyl Methyltaurate	10.0	Remild CTT30
Sodium Laureth Sulfate	4.5	
Methylisothiazolinone & Methylchloroisothiazolinone	0.1	
Phenoxyethanol	0.2	

Thank You!

Công Ty TNHH Hóa Chất Oxy (OXY Chemicals)

60 Hòa Bình, Phường 5, Quận 11

Tel: (08) 3859 4414

Fax: 3859 3534

Website: www.oxychemicals.com.vn



Guangzhou Reachin Chemical Co.,LTD

FL.3,No.E2 Longshan Industry Zone,Yinglong Road
TianHe District, Guangzhou, China

Tel: 86 20 37087379

Fax:86 20 38337097

E-mail: cindy@reachinchem.com

